TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HSST
Ngày 21 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/HSST ngày 28/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HS ngày 09/4/2025 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1988, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố ĐN, thị trấn TH, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị L1; vợ: Phạm Thị Th1; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2/Nguyễn Văn B, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1988, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố TP, thị trấn TH, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; vợ: Kim Thị Hồng Th; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Chu Văn Th2, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố TP, thị trấn TH, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do nhận thấy việc cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao thu được nhiều lợi nhuận, H và B thống nhất cùng góp tiền với nhau, cho người khác vay tiền với mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, H và B sẽ chia nhau số tiền lãi thu được theo tỷ lệ 50:50. Vào khoảng tháng 05/2022, do có mối quan hệ quen biết từ trước, anh Chu Văn Th2 biết H cho người khác vay tiền nên đã tìm gặp H để vay tiền. Tại nhà của H, H đã cho anh Th2 vay tiền nhiều lần với lãi suất cao, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 08/5/2022 H đang ở nhà thì có anh Th2 đến nhà hỏi vay tiền, H đồng ý và cho anh Th2 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm và lãi suất 15,2%/tháng; Cách tính: 5.000₫ : 1.000.000d x 100 = 0,5 x 365 ngày = 182,5%/năm; 182,5%: 12 tháng = 15,2%/tháng), H cắt lãi luôn tháng đầu tiên, tương đương 1.500.000 đồng và chỉ thanh toán 8.500.000 đồng cho anh Th2. Sau đó anh Th2 đóng lãi tiếp đến ngày 07/10/2022 gồm 05 tháng (tháng 6, 7, 8, 9, 10) mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng là 05 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 7.500.000 đồng và thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Như vậy đối với khoản vay trên anh Th2 đóng lãi tổng là 06 tháng x 1.500.000 đồng/01 tháng = 9.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định Nhà nước cho phép là: 1.000.000 đồng (cách tính: 10.000.000 đồng x 20% : 12 tháng x 6 tháng (lãi suất)= 1.000.000 đồng), số tiền thu lợi bất chính là: 9.000.000 đồng – 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng. Khi cho anh Th2 vay tiền H có yêu cầu anh Th2 viết giấy vay tiền và anh Th2 có để lại giấy tờ xe mô tô và căn cước công dân của anh Th2.

Lần 2: Ngày 05/7/2022, anh Th2 tiếp tục vay số tiền 30.000.000 đồng của H với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm và lãi suất 15,2%/tháng; Cách tính 5.000 đồng / 1.000.000 đồng x 100 x 365 ngày = 182,5%/năm; 182,5% / 12 tháng = 15,2%/tháng). Khi cho anh Th2 vay số tiền này, H cắt lãi luôn tháng đầu tiên, tương đương 4.500.000 đồng và chỉ thanh toán cho anh Th2 số tiền 25.500.000 đồng. Sau đó, anh Th2 đóng lãi tiếp đến ngày 07/10/2022 gồm 03 tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng, tổng là 13.500.000 đồng và thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này, tính đến ngày 07/10/2022, anh Th2 đã đóng lãi tổng 04 tháng x 4.500.000 đồng/01 tháng= 18.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định Nhà nước cho phép là: 2.000.000 đồng (cách tính: 30.000.000 đồng x 20% / 12 tháng x 4 tháng (lãi suất) = 2.000.000 đồng), số tiền thu lợi bất chính là: 18.000.000 đồng - 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Từ ngày 07/10/2022, H và B giảm lãi suất cho Th2 đối với khoản tiền còn nợ lại 20.000.000 đồng là 3.700 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 135,05%/năm và lãi suất 11,25%/tháng; Cách tính: 3.700 đồng / 1.000.000 đồng x 100 x 365 ngày = 135,05%/năm; 135,05% / 12 tháng = 11,25%/tháng). Th2 tiếp tục đóng lãi đều các tháng đến ngày 06/12/2024, tổng là 26 tháng x 2.200.000 đồng/01 tháng = 57.200.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định Nhà nước cho phép là: 8.666.667 đồng (cách tính: 20.000.000 đồng x 20% / 12 tháng x 26 tháng (lãi suất) = 8.666.667 đồng), số tiền thu lợi bất chính là: 57.200.000 đồng - 8.666.667 đồng = 48.533.333 đồng. Hiện nay Th2 vẫn còn nợ số tiền gốc là số tiền 20.000.000 đồng, chưa thanh toán cho H và B. Vì vậy, tổng số tiền lãi Th2 đã thanh toán cho B và H đối với khoản vay này là: 18.000.000 đồng + 57.200.000 đồng = 75.200.000 đồng. Trong đó số tiền thu lợi bất chính là: 16.000.000 đồng + 48.533.3333 đồng = 64.533.333 đồng, số tiền lãi theo quy định Nhà nước cho phép là: 2.000.000 đồng + 8.666.667 đồng = 10.666.667 đồng.

Như vậy, tổng số tiền H và B thu lãi của Th2 đối với hai khoản vay trên là: 9.000.000 đồng + 75.200.000 đồng = 84.200.000 đồng. Trong đó số tiền thu lợi bất chính là: 8.000.000 đồng + 64.533.333 đồng = 72.533.333 đồng, số tiền theo quy định Nhà nước cho phép là: 1.000.000 đồng + 10.666.667 đồng = 11.666.667 đồng. Toàn bộ số tiền lãi và gốc Th2 thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt cho H.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn B đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 giấy nhận nợ đề ngày 08/5/2022, người vay là Chu Văn Th2 số tiền 10.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người vay tiền; 01 giấy nhận nợ đề ngày 05/7/2022, người vay là Chu Văn Th2 số tiền 30.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người vay tiền; 01 tập sao kê tài khoản ngân hàng Vietinbank số 107001997380 chủ tải khoản Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn H giao nộp 01 bản sao kê tài khoản Agribank số 2803205099047 chủ tài khoản Nguyễn Văn H; 01 bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản Vietinbank số 104875656655 chủ tài khoản Nguyễn Văn H; Anh Chu Văn Th2 giao nộp 01 tập sao kê tài khoản ngân hàng Techcombank số 19038471217016 chủ tài khoản Chu Văn Th2. H, B và anh Th2 khai nhận đã dùng số tài khoản trên để thực hiện giao dịch chuyển tiền.

Tại cáo trạng số 48/CT-VKSYL ngày 26/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đã truy tố Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc luận tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B, giữ nguyên quan điểm truy tố

như nội dung cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn B từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo H và bị cáo B. Truy thu 20.000.000 đồng của anh Chu Văn Th2, 15.833.333 đồng của Nguyễn Văn H và 15.833.333 đồng của Nguyễn Văn B để sung vào ngân sách nhà nước, xác nhận bị cáo B và bị cáo H đã nộp xong tiền truy thu. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả cho anh Chu Văn Th2 36.266.666 đồng, bị cáo Nguyễn Văn B phải trả cho anh Chu Văn Th2 36.266.666 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại điện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 08/5/2022 đến ngày 06/12/2024, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B đã cho anh Chu Văn Th2 vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

- Ngày 08/5/2022 đến ngày 07/10/2022 H và B cho anh Th2 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm và lãi suất 15,2%/tháng), thu lợi bất chính 8.000.000 đồng.

- Từ ngày 05/7/2022 đến ngày 07/10/2022, H và B cho anh Th2 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm và lãi suất 15,2%/tháng), thu lợi bất chính 16.000.000 đồng.

- Ngày 07/10/2022, anh Th2 đã trả cho H và B số tiền gốc 10.000.000 đồng. Từ ngày 07/10/2022 đến ngày 06/12/2024, H và B giảm lãi suất cho Th2 đối với khoản tiền còn nợ lại 20.000.000 đồng là 3.700 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất 135,05%/năm và lãi suất 11,25%/tháng), thu lợi bất chính là: 48.533.333 đồng.

Tổng số tiền H và B cho anh Chu Văn Th2 vay là 40.000.000 đồng, thu lợi bất chính 72.533.333 đồng.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

Do đó bản cáo trạng số 48/CT-VKSYL ngày 26/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng. Bị cáo H là người trực tiếp cho vay tiền và nhận tiền lãi sau đó chia lãi cho B nên H giữ vai trò chính trong vụ án còn bị cáo B là người góp tiền chung với H và hưởng lãi nên B giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo pham tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là các bị cáo đã nộp số tiền cần phải truy thu cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc để khắc phục hậu quả xảy ra. Xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xử phạt các bị cáo một mức án cải tạo không giam giữ một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Cần phạt tiền mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của Nguyễn Văn B, B sử dụng để giao dịch chuyển và nhận tiền với Nguyễn Văn H để cho anh Th2 vay. Quá trình điều tra B khai chiếc điện thoại trên đã bị rơi mất, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max của Nguyễn Văn H, H sử dụng để giao dịch chuyển và nhận tiền với Nguyễn Văn B và anh Chu Văn Th2. Quá trình điều tra H khai chiếc điện thoại trên đã bị hư hỏng, H đã vứt bỏ, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 giấy nhận nợ đề ngày 08/5/2022, người vay là Chu Văn Th2 số tiền 10.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của người vay tiền; 01 giấy nhận nợ đề ngày 05/7/2022, người vay là Chu Văn Th2 số tiền 30.000.000đ, có chữ ký xác nhận của người vay tiền. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, đây đều là các giấy tờ B, H sử dụng liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với giấy tờ xe mô tô và căn cước công dân của anh Th2 để lại cho H khi vay tiền. H đã trả lại toàn bộ số giấy tờ trên cho anh Th2 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Chu Văn Th2 còn nợ của Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H, đây là số tiền H, B sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu số tiền 20.000.000 đồng trên của anh Chu Văn Th2 để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H cho anh Th2 vay và số tiền 11.666.667 đồng là tiền lãi theo quy định đã được anh Th2 trả B và H, đây là số tiền H, B sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu số tiền 31.666.667 đồng trên của H và B. Trong đó truy thu của H và B mỗi người 15.833.333 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Các bị cáo đã nộp xong tiền truy thu.

Đối với số tiền 72.533.333 đồng là tiền B và H thu lời bất chính của anh Chu Văn Th2 nên H và B phải trả lại cho anh Th2 số tiền 72.533.333 đồng. Trong đó B, H mỗi người phải trả cho anh Th2 số tiền 36.266.666 đồng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc nhận được Quyết định thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B cho UBND thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND thị

trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H 35.000.000 (Ba mươi năm triệu) đồng, Nguyễn Văn B 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng của anh Chu Văn Th2, 15.833.333 (Mười năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng của Nguyễn Văn H và 15.833.333 (Mười năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng của Nguyễn Văn B để sung vào ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo B và bị cáo H đã nộp xong tiền truy thu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc (Phiếu thu tiền của Nguyễn Văn H số 0001406 ngày 21/4/2025 và Phiếu thu tiền của Nguyễn Văn B số 0001405 ngày 21/4/2025).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả cho anh Chu Văn Th2 36.266.666 (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn B phải trả cho anh Chu Văn Th2 36.266.666 (ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận
-VKSND huyện Yên Lạc;
-VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Cơ quan THA hình sự,
Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
-Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
-UBND thị trấn Tam Hồng
- Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Bình Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA